

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 407/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 06 tháng 3 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo
giai đoạn 2006-2010 của cấp huyện**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ Quyết định số 23/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 05 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 của cấp tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội (tại văn bản số 192/LĐTBXH ngày 28 tháng 02 năm 2008),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 của cấp huyện, thành phố (sau đây viết tắt là Hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát).

Điều 2. Trách nhiệm báo cáo và thời gian gửi báo cáo:

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện Chương trình theo Hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát định kỳ 6 tháng, hàng năm cho Sở Lao động-Thương binh và Xã hội (Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo tỉnh) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

2. Thời gian gửi báo cáo:

- Đối với các chỉ tiêu yêu cầu báo cáo 6 tháng, địa phương phải báo cáo chậm nhất là ngày 15 tháng 6 hàng năm.

- Đối với các chỉ tiêu yêu cầu báo cáo năm, địa phương phải gửi báo cáo chậm nhất là ngày 10 tháng 12 hàng năm.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Kim Anh

HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THEO DÕI, GIÁM SÁT
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2006-2010
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2008 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Nhóm chỉ tiêu theo dõi mục tiêu của chương trình

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa/Hướng dẫn chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
1. Tổng số hộ gia đình	Theo khái niệm “hộ gia đình” của Tổng Cục Thống kê	Hộ	01 năm	UBND huyện, TP	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng Thống kê
2. Số hộ nghèo	Số hộ có mức thu nhập bình quân đầu người thấp hơn chuẩn nghèo (thành thị, nông thôn)	Hộ	01 năm	UBND huyện, TP	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng NV-LĐTBXH
3. Số hộ thoát nghèo	Số hộ nghèo năm gốc nhưng trong năm hiện tại không phải là hộ nghèo	Hộ	01 năm	UBND huyện, TP	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng NV-LĐTBXH
4. Số hộ rơi vào nghèo	Số hộ không nghèo năm gốc nhưng trong năm hiện tại là hộ nghèo. Chú ý tình trạng hộ nghèo di dân và hộ tái nghèo	Hộ	01 năm	UBND huyện, TP	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng NV-LĐTBXH
5. Số xã nghèo	Theo khái niệm xã nghèo (TTLT 102) xã nghèo là xã có trên 25% hộ nghèo	Xã	01 năm	UBND huyện, TP	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng NV-LĐTBXH
6. Số xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Số xã được công nhận là xã bãi ngang đặc biệt khó khăn (theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ)	Xã	01 năm	UBND huyện, TP	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng NV-LĐTBXH

2. Nhóm chỉ tiêu thực hiện chương trình

2.1. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi hộ nghèo:

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
7. Số lượt hộ nghèo được vay vốn	Số lượt hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất trong kỳ	Lượt hộ	06 tháng 01 năm	UBND huyện, TP	Phòng NV-LĐTĐBXH	Chi nhánh NHCSXH huyện, Hội, đoàn thể
8. Tổng doanh số cho vay	Tổng số vốn cho vay (giải ngân) phát triển sản xuất trong kỳ	Triệu đồng	06 tháng 01 năm	UBND huyện, TP	Phòng NV-LĐTĐBXH	Chi nhánh NHCSXH huyện, Hội, đoàn thể
9. Tổng số hộ dư nợ	Tổng số hộ đang dư nợ (hay đang vay vốn) phát triển sản xuất tại thời điểm báo cáo	Hộ	06 tháng 01 năm	UBND huyện, TP	Phòng NV-LĐTĐBXH	Chi nhánh NHCSXH huyện, Hội, đoàn thể
10. Tổng số dư nợ (cho vay hộ nghèo)	Tổng số vốn dư nợ (cho hộ nghèo) vay phát triển sản xuất tại thời điểm báo cáo	Triệu đồng	06 tháng 01 năm	UBND huyện, TP	Phòng NV-LĐTĐBXH	Chi nhánh NHCSXH huyện, Hội, đoàn thể

2.2. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất cho hộ nghèo dân tộc thiểu số (Chương trình 134):

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
11. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách Trung ương và địa phương theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	Triệu đồng	01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTĐBXH	Phòng Dân tộc

12. Số hộ nghèo dân tộc thiểu số được hỗ trợ đất sản xuất	Số hộ nghèo nhận được hỗ trợ từ chính sách, dự án (kể cả chuộc đất)	Hộ	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTĐBXH	Phòng Dân tộc
13. Tổng diện tích đất hỗ trợ hộ nghèo	Tổng diện tích đất hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số	Ha	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTĐBXH	Phòng Dân tộc

2.3. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện dự án khuyến nông-lâm và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề:

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
14. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách Trung ương và địa phương theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	Triệu đồng	01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTĐBXH	Phòng NNPTNT
15. Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,...	Triệu đồng	01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTĐBXH	Phòng NNPTNT
16. Số lượt người được tập huấn, hội thảo đầu bờ,....	Tổng số người nghèo tham gia các hoạt động tập huấn, hội thảo đầu bờ,... của dự án khuyến nông, lâm, ngư phát triển sản xuất trong khuôn khổ chương trình giảm nghèo (với mục tiêu nâng cao kiến thức và kỹ năng về sản xuất)	Lượt người	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTĐBXH	Phòng NNPTNT
17. Số mô hình khuyến nông, lâm, ngư trình diễn	Tổng số các mô hình khuyến nông, lâm, ngư trình diễn	Mô hình	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTĐBXH	Phòng NNPTNT

2.4. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo:

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
18. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách Trung ương và địa phương theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	Triệu đồng	01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng NV-LĐTBXH, Phòng TC-KH, UBND xã
19. Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,...	Triệu đồng	01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng NV-LĐTBXH, Phòng TC-KH, UBND xã
20. Số xã được hỗ trợ đầu tư	Số xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, hải đảo nhận được kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng từ chương trình	Xã	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng NV-LĐTBXH
21. Tổng số công trình được xây dựng và kinh phí	Tổng số các công trình (dự án) được đầu tư xây dựng trên địa bàn; kinh phí	Công trình, triệu đồng	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng NV-LĐTBXH, Phòng TC-KH, UBND xã
- Giao thông - Kinh phí	Tổng số các công trình (dự án) giao thông (đường, cầu) và kinh phí	Công trình, triệu đồng	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng NV-LĐTBXH, Phòng TC-KH, UBND xã
- Thủy lợi - Kinh phí	Tổng số các công trình (dự án) thủy lợi (nuông, đập, cống, hồ chứa,...), và kinh phí	Công trình, triệu đồng	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng NV-LĐTBXH, Phòng TC-KH, UBND xã
- Chợ - Kinh phí	Tổng số các công trình (dự án) xây dựng chợ, trung tâm thương mại, điểm bán hàng,...; kinh phí	Công trình, triệu đồng	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng NV-LĐTBXH, Phòng TC-KH, UBND xã

- Khác	Tổng số các công trình (dự án), quy mô thực hiện; kinh phí	Công trình, triệu đồng	06 tháng 01 năm		Phòng NV-LĐTĐBXH	Phòng NV-LĐTĐBXH, Phòng TC-KH, UBND xã
-						
- Kinh phí						

2.5. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện dự án dạy nghề cho người nghèo:

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
22. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách Trung ương và địa phương theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	Triệu đồng	01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTĐBXH	Phòng NV-LĐTĐBXH, Trung tâm dạy nghề huyện
23. Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,...	Triệu đồng	01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTĐBXH	Phòng NV-LĐTĐBXH, Trung tâm dạy nghề huyện
24. Số người nghèo được hỗ trợ học nghề	Tổng số người nghèo được hỗ trợ học nghề trong khuôn khổ dự án dạy nghề cho người nghèo	Người	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTĐBXH	Phòng NV-LĐTĐBXH, Trung tâm dạy nghề huyện

2.6. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo:

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
25. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách Trung ương và địa phương theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	Triệu đồng	01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTĐBXH	Phòng NV-LĐTĐBXH

26. Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,...	Triệu đồng	01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng NV-LĐTBXH
27. Số mô hình giảm nghèo được xây dựng/nhân rộng	Tổng số mô hình giảm nghèo được đầu tư kinh phí xây dựng (với mục tiêu mô hình mẫu, trình diễn) trên địa bàn.	Mô hình	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng NV-LĐTBXH
28. Số hộ nghèo tham gia mô hình	Tổng số hộ nghèo tham gia mô hình giảm nghèo được xây dựng/nhân rộng	Hộ	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng NV-LĐTBXH

2.7. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện chính sách hỗ trợ về y tế cho người nghèo:

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
29. Tổng kinh phí	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách Trung ương và địa phương theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	Triệu đồng	01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng Y tế, Phòng KH-TC
30. Số người nghèo được cấp thẻ BHYT	Tổng số người nghèo được cấp thẻ BHYT trong kỳ	Người	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng NV-LĐTBXH
31. Số lượt người nghèo được khám chữa bệnh miễn phí	Tổng số người nghèo được khám chữa bệnh miễn phí	Người	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng Y tế, Trung tâm Y tế huyện

2.8. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo:

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
32. Tổng kinh phí	Tổng kinh phí thực hiện các chính sách, dự án trên địa bàn	Triệu đồng	01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Dân tộc
33. Số học sinh nghèo được miễn, giảm học phí	Số học sinh ở tất cả các cấp học là con hộ nghèo được miễn, giảm học phí	Học sinh	01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Dân tộc
34. Số học sinh nghèo được miễn giảm các khoản đóng góp xây dựng trường lớp	Số học sinh ở tất cả các cấp học là con hộ nghèo được miễn, giảm các khoản đóng góp xây dựng trường lớp	Học sinh	01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng Giáo dục và Đào tạo
35. Số học sinh nghèo dân tộc thiểu số được hỗ trợ sách vở, đồ dùng học tập	Số học sinh ở tất cả các cấp học là con hộ nghèo dân tộc thiểu số được hỗ trợ sách vở, đồ dùng học tập	Học sinh	01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Dân tộc

2.9. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở và nước sinh hoạt:

a) Về nhà ở:

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
--------------	------------	-------------	-------------------------------	---------------------------------------	----------------------------	--------------------------------------

36. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách Trung ương và địa phương theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	Triệu đồng	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng NV-LĐTBXH, Phòng Dân tộc, UBMTTQVN huyện
37. Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,...	Triệu đồng	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng NV-LĐTBXH, Phòng Dân tộc, UBMTTQVN huyện
38. Tổng số hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng nhà ở	Tổng số hộ nghèo trên địa bàn nhận được hỗ trợ kinh phí để xây dựng nhà ở	Hộ	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng NV-LĐTBXH, Phòng Dân tộc, UBMTTQVN huyện
39. Trong đó: số hộ nghèo dân tộc thiểu số được hỗ trợ xây dựng nhà ở	Tổng số hộ dân tộc thiểu số thuộc diện nghèo trên địa bàn nhận được hỗ trợ kinh phí để xây dựng, sửa chữa nhà ở	Hộ	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng NV-LĐTBXH, Phòng Dân tộc, UBMTTQVN huyện

b) Về nước sinh hoạt (Chương trình 134):

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
40. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách Trung ương và địa phương theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	Triệu đồng	01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTBXH	Phòng Dân tộc
41. Tổng số hộ nghèo được hỗ trợ kinh phí tạo nguồn nước sinh hoạt	Tổng số hộ nghèo được hỗ trợ kinh phí để tạo nguồn nước sinh hoạt trong khuôn khổ chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt cho hộ nghèo	Hộ	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV - LĐTBXH	Phòng Dân tộc

2.10. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện dự án đào tạo cán bộ giảm nghèo:

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
42. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách Trung ương và địa phương theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	Triệu đồng	01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTĐBXH	Phòng NV-LĐTĐBXH
43. Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,...	Triệu đồng	01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTĐBXH	Phòng NV-LĐTĐBXH
44. Số lượt cán bộ được đào tạo tập huấn	Tổng số người là cán bộ làm công tác xoá đói giảm nghèo trên địa bàn được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ xoá đói giảm nghèo	Lượt người	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTĐBXH	Phòng NV-LĐTĐBXH
45. Số cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã	Tổng số người là cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã	Người	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTĐBXH	Phòng NV-LĐTĐBXH
46. Số cán bộ cấp thôn tham gia tập huấn xoá đói giảm nghèo	Tổng số người là cán bộ thôn tham gia tập huấn công tác giảm nghèo	Người	06 tháng 01 năm	UBND huyện	Phòng NV-LĐTĐBXH	Phòng NV-LĐTĐBXH

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TC-KH: Tài chính - Kế hoạch

NV-LĐTĐBXH: Nội vụ-Lao động-Thương binh và Xã hội

NHCSXH: Ngân hàng chính sách xã hội

NNPTNT: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

UBMTTQVN: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

UBND: Ủy ban nhân dân

TP: Thành phố